

Số: 25/QĐ-THTA

Thủy An, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC THỦY AN

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 28/UBND ngày 05/01/2024 của Ủy Ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc báo cáo tình hình, quản lý sử dụng tài sản công năm 2023;

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 của trường Tiểu học Thủy An (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Thủy An

Mã đơn vị: 1058387

Loại hình đơn vị: Khối tiểu học

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II	Tài sản giao mới						17.163.367						
2	Nhà						16.888.740						
	Nhà hiệu bộ + phòng bộ môn	Cái	1				8.583.307						
	Nhà học 12 phòng	Cái	1				8.295.433						
	Nhà vệ sinh điểm An Biên	m	1				10.000						
4	Tài sản cố định khác						274.627						
	Bể bơi lắp ghép thông minh	Cái	1		Việt Nam	2016	274.627						
	Tổng cộng						17.163.367						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Dương Xuân Dân

Ngày 31 tháng 11 năm 2024

Chủ tịch đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Thủy An

Mã đơn vị: 1058387

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2023

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất điểm trường An Biên tại Thôn An Biên - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh	1.905	259.277		1.905																	
2	Đất điểm trường chính tại Thôn Vị Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh	8.970	1.073.108		8.970																	
3	Nhà hiệu bộ tại Thôn Vị Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									1986	166	180.000			166							
4	Nhà hiệu bộ + phòng bộ môn tại Thôn Vị Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2022	1.116	8.583.307	7.896.642		1.116							
5	Nhà học 12 phòng tại Thôn Vị Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2021	644	8.295.433	7.299.981		644							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
6	Nhà học số 1 tại Thôn Vĩ Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									1994	184	1.192.624	274.179		184						
7	Nhà học số 2 tại Thôn An Biên - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2013	147	758.000	201.855		147						
8	Nhà học số 3 tại Thôn Vĩ Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2008	78	120.000			78						
9	Nhà vệ sinh điểm An Biên tại Thôn An Biên - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2006	10	10.000			10						
10	Nhà vệ sinh giáo viên tại Thôn Vĩ Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2008	15	40.123			15						
11	Nhà vệ sinh học sinh tại Thôn Vĩ Thủy - Thủy An - Đông Triều - Quảng Ninh									2018	60	555.854	333.401		60						
	Tổng cộng:	10.875	1.332.385		10.875						2.420	19.735.341	16.006.059		2.420						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Dương Xuân Dân

Ngày 8 tháng 1 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Hạnh

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Thủy An

Mã đơn vị: 1058387

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		63	1.119.788	1.119.788		170.740							
	Năm 2013		1	45.000	45.000									
1	Đàn YAMAHA	Trường TH Thủy An	1	45.000	45.000				x					
	Năm 2014		17	256.500	256.500									
1	Phần mềm QLTS	Phòng kế toán	1	9.000	9.000				x					
2	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	Phòng máy vi tính	1	8.500	8.500				x					
3	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	Phòng máy vi tính	1	8.500	8.500				x					
4	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	Phòng máy vi tính	1	8.500	8.500				x					
5	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	Phòng máy vi tính	1	8.500	8.500				x					
6	Máy tính để bàn phòng TV	Phòng Thư viện	1	12.600	12.600									x
7	Máy tính để bàn phòng HT	Phòng hiệu trưởng	1	12.600	12.600									x
8	Máy tính để bàn phòng HP	Phòng p. hiệu trưởng	1	12.600	12.600									x
9	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	Phòng máy vi tính	1	8.500	8.500				x					
10	Máy chiếu phòng số 7	Phòng học số 7	1	18.100	18.100									x
11	Máy chiếu phòng số 6	Phòng học số 6	1	17.300	17.300									x
12	Máy chiếu phòng số 1	Phòng học số 1	1	25.300	25.300									x
13	Bục giảng điện tử	Trường TH Thủy An	1	24.000	24.000				x					
14	Bảng tương tác	Trường TH Thủy An	1	30.000	30.000				x					
15	Bàn ghế làm việc phòng HT	Phòng hiệu trưởng	1	15.000	15.000				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	Bàn ghế làm việc phòng HP	Phòng p. hiệu trưởng	1	14.000	14.000				x					
17	Máy chiếu phòng tin	Phòng máy vi tính	1	23.500	23.500									x
	Năm 2015		11	136.100	136.100									
1	Tủ tài liệu phòng HT	Phòng hiệu trưởng	1	10.500	10.500									x
2	Tủ tài liệu phòng HP	Phòng p. hiệu trưởng	1	10.000	10.000									x
3	Phần mềm kế toán MISA	Phòng kế toán	1	9.000	9.000				x					
4	Máy phát điện chạy dầu	Trường TH Thủy An	1	24.000	24.000									x
5	Máy in phòng TV	Phòng Thư viện	1	3.500	3.500									x
6	Máy chiếu phòng số 8	Phòng học số 8	1	19.300	19.300									x
7	Máy in phòng HP	Phòng p. hiệu trưởng	1	6.500	6.500									x
8	Máy chiếu phòng số 2	Phòng học số 2	1	19.800	19.800									x
9	Bàn tiếp khách phòng HT	Phòng hiệu trưởng	1	14.500	14.500									x
10	Bàn tiếp khách phòng HP	Phòng p. hiệu trưởng	1	12.500	12.500									x
11	Máy in phòng HT	Phòng hiệu trưởng	1	6.500	6.500									x
	Năm 2016		10	95.000	95.000									
1	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
2	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
3	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
4	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
5	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
6	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
7	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
8	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
9	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x
10	Máy tính để bàn phòng tin	Phòng máy vi tính	1	9.500	9.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Năm 2018		3	76.900	76.900									
1	Camera giám sát	Trường TH Thủy An	1	35.000	35.000				x					
2	Loa máy	Trường TH Thủy An	1	17.400	17.400									x
3	Máy tính xách tay phòng TA	Phòng TB dạy học	1	24.500	24.500									x
	Năm 2020		10	87.470	87.470		34.988							
1	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
2	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
3	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
4	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
5	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
6	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
7	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
8	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
9	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
10	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	Phòng máy vi tính	1	8.747	8.747		3.499							x
	Năm 2021		2	30.500	30.500		12.200							
1	Máy tính xách tay phòng DELL	Phòng TB dạy học	1	14.500	14.500		5.800							x
2	Phần mềm MISA Bumas	Phòng kế toán	1	16.000	16.000		6.400		x					
	Năm 2022		8	117.691	117.691		68.626							
1	Tủ hồ sơ 1	Phòng p. hiệu trưởng	1	5.000	5.000		4.375		x					
2	Đàn phím điện tử	Phòng Thư viện	1	12.842	12.842		5.137		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Máy chiếu + màn chiếu (thiết bị dạy học lớp 1)	Phòng Thư viện	1	18.344	18.344		7.338		x					
4	Máy tính để bàn (thiết bị dạy học lớp 1)	Phòng Thư viện	1	13.505	13.505		5.402							x
5	Smart tivi Crystal Samsung UHD 4K 75 inch	Trường TH Thủy An	1	35.000	35.000		21.000		x					
6	Trống trường 50 cm	Trường TH Thủy An	1	13.500	13.500		10.125		x					
7	Trống trường 55 cm	Trường TH Thủy An	1	14.500	14.500		10.875		x					
8	Tủ hồ sơ	Phòng hiệu trưởng	1	5.000	5.000		4.375		x					
	Năm 2023		1	274.627	274.627		54.925							
1	Bể bơi lắp ghép thông minh	Trường TH Thủy An	1	274.627	274.627		54.925							x
	Tổng cộng		63	1.119.788	1.119.788		170.740							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Dương Xuân Dân

Ngày 8 tháng 1 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Thủy An

Mã đơn vị: 1058387

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	251.470		43.738												
1	Máy in phòng HP	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Máy in phòng HT	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Máy in phòng TV	3.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Máy tính để bàn phòng tin	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Máy tính để bàn phòng tin (PGD cấp)	8.747		3.499						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	8.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	8.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	8.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	8.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Máy vi tính để bàn phòng tin (cũ)	8.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Tủ hồ sơ	5.000		4.375						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
30	Tủ hồ sơ 1	5.000		4.375						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
	Tổng cộng	251.470		43.738												

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Dương Xuân Dân

Ngày 1 tháng 1 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Thủy An
Mã đơn vị: 1058387
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Dương Xuân Dân

Ngày 8 tháng 1 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)


Trần Thị Hạnh